

Số: 234 /BC-UBND

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Kết quả cải cách hành chính quý III/2022 của tỉnh Khánh Hòa**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (gọi tắt là CCHC) định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2022 trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**

**1. Chỉ đạo, điều hành CCHC**

Căn cứ chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; chương trình CCHC tỉnh giai đoạn 2021-2030<sup>1</sup>, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành kế hoạch CCHC tỉnh năm 2022<sup>2</sup>, đề ra 11 mục tiêu trọng tâm, 60 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân định rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp, thời hạn, kết quả trên 06 lĩnh vực CCHC và công tác chỉ đạo, điều hành. Trọng tâm CCHC quý III/2022 là tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp để cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số CCHC (PAR Index), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính;...

Trong quý III/2022, công tác CCHC tiếp tục được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt và toàn diện. Tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức nhiều hội nghị, đoàn công tác, cuộc họp để tổng kết đánh giá, nghiên cứu và chỉ đạo nhiều nội dung quan trọng về CCHC, điểm lại như: Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; hội nghị trao đổi giải pháp nâng cao Chỉ số PAPI và hội nghị tập huấn công tác CCHC tỉnh năm 2022; cuộc họp đánh giá, bàn giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI; đoàn công tác học tập, nghiên cứu kinh nghiệm CCHC, chuyển đổi số tại 08 tỉnh, thành phố Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hưng Yên, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Đà Nẵng;...

Trong kỳ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản CCHC quan trọng để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh CCHC một cách toàn diện, sâu rộng trên các lĩnh vực, nội dung CCHC, trong đó có 04 văn bản nổi bật:

<sup>1</sup> Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh

<sup>2</sup> Quyết định số 4782/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh





Chỉ thị về chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu chuyên môn và tổ chức các cuộc họp xử lý công việc thường xuyên của lãnh đạo UBND tỉnh<sup>3</sup>; văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cải thiện và nâng cao chỉ số PAR-INDEX, SIPAS, PAPI, PCI<sup>4</sup>; Văn bản quán triệt các cơ quan triển khai các giải pháp trọng tâm cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR-INDEX, SIPAS, PCI, PAPI của tỉnh Khánh Hòa trong năm 2022 và những năm tiếp theo<sup>5</sup>; văn bản chấn chỉnh kỷ luật trong việc tham dự hội họp, hội nghị do UBND tỉnh tổ chức<sup>6</sup>.

Theo thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị triển khai quyết liệt, cụ thể các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác CCHC: Hoàn thiện thể chế; kiện toàn tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC, Bộ phận Một cửa; sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận Một cửa; ban hành quy tắc ứng xử của công chức, viên chức; họp ban chỉ đạo CCHC, giao ban định kỳ về CCHC; thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót, nâng cao chỉ số và xếp hạng CCHC, chỉ số PCI, chỉ số PAPI; nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC, giảm tỉ lệ hồ sơ trễ hạn; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện số hóa kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC định kỳ tháng, quý; tiếp nhận, xử lý và phản hồi thắc mắc, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về việc giải quyết hồ sơ TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến;...

## 2. Kiểm tra CCHC

Triển khai kiểm tra công tác CCHC năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch, quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra CCHC tỉnh năm 2022<sup>7</sup>. Nội dung kiểm tra gồm: Kiểm tra toàn diện công tác CCHC; kiểm tra chuyên đề về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên Phần mềm một cửa điện tử; kiểm tra chuyên đề về lĩnh vực tài chính công. Hiện Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh đã kiểm tra 25/33 cơ quan, đơn vị (18 sở, ngành; 04 UBND cấp huyện; 03 UBND cấp xã). Theo thẩm quyền, 44/44 cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc, trong đó 26 cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kế hoạch kiểm tra; 18 cơ quan, đơn vị đang tiến hành kiểm tra.

Bên cạnh đó, để tiếp tục chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thành lập đoàn và tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị năm 2022<sup>8</sup>. Tính đến thời điểm hiện tại, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã kiểm tra 24 cơ quan, đơn vị.

<sup>3</sup> Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh

<sup>4</sup> Thông báo số 272/TB-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh

<sup>5</sup> Công văn 8537/UBND-KSTT ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh

<sup>6</sup> Công văn số 8322/UBND-KSTT ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh

<sup>7</sup> Quyết định số 1138/QĐ-UBND và Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh

<sup>8</sup> Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh



### **3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC**

Trong quý III/2022, công tác tuyên truyền CCHC được triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của cá nhân, tổ chức đối với công tác CCHC; thống nhất nhận thức, hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; đẩy mạnh tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến, các mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC mới và hiệu quả; quán triệt và thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số PAPI;...

Các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC bằng hình thức trực quan, trên cổng/trang thông tin điện tử, thông qua các hội nghị, hội thảo, đối thoại, báo, đài, mạng xã hội... Thống nhất tuyên truyền trực quan tại Bộ phận Một cửa các khẩu hiệu: “Sự hài lòng của Nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”; “Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để góp phần phòng, chống Covid-19”;...

Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa thực hiện 12 chuyên mục CCHC, lồng ghép nội dung tuyên truyền CCHC trong các chuyên đề, chuyên mục xây dựng Đảng, Kinh tế, Thuế, Công đoàn,... Hệ thống Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện hơn 200 chuyên mục, tin bài tuyên truyền về CCHC. Báo Khánh Hòa đăng tải hơn 20 tin, bài viết chuyên sâu về CCHC, đưa tin kịp thời, sinh động tình hình, kết quả CCHC,... Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử CCHC tỉnh, Cổng thông tin Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh đăng tải gần 300 tin bài, văn bản CCHC, thu hút trên 300.000 lượt truy cập.

### **4. Tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã hoàn thành 24/60 nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch, đảm bảo tiến độ và hiệu quả, cụ thể: Ban hành các kế hoạch tuyên truyền CCHC, kiểm tra công tác CCHC, khảo sát mức độ hài lòng, tập huấn nghiệp vụ CCHC năm 2022; tổ chức hội nghị tổng kết công tác CCHC tỉnh năm 2021, triển khai chương trình CCHC tỉnh giai đoạn 2021-2030, kế hoạch CCHC tỉnh năm 2022; tổ chức tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2021; tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp, nhà đầu tư năm 2022; chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI tỉnh năm 2022; giao chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 cho các cơ quan, đơn vị; rà soát số liệu, quy mô số hộ gia đình các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh để thực hiện việc sắp xếp đối với các thôn, tổ dân phố không đủ điều kiện theo quy định; sắp xếp, tổ chức các đơn vị sự nghiệp; xây dựng và triển khai chương trình phát triển nhân lực tỉnh năm 2022; ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng; nâng cấp Phần mềm E-Office;... Các nhiệm vụ còn lại đang được triển khai theo tiến độ đề ra của tỉnh và trung ương.

Trong kỳ thống kê từ ngày 15/6/2022 đến 14/9/2022, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận được 35 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; kết quả rà soát,



thống kê có 05 nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn, 01 nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn, 29 nhiệm vụ vẫn đang trong hạn giải quyết.

### **5. Mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC mới**

Từ kết quả Cuộc thi “Mô hình, sáng kiến CCHC của công chức, viên chức trẻ” lần thứ 5 - năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đầu tư hoàn thiện 25 mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC tiêu biểu nhất cuộc thi, nghiên cứu triển khai áp dụng nhân rộng, phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị mình<sup>9</sup>. Nổi bật là một số mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC như: “Hệ thống phân tích và dự báo thông tin kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa” (đội Sở Thông tin và Truyền thông, giải Nhất); “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để kiểm soát toàn diện chất lượng giải quyết TTHC trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh (gọi tắt là Trung tâm DVHCCTTT)” (đội Sở Nội vụ, giải Nhì); “Chương trình thông kê và nhắc việc qua tin nhắn điện thoại trên Phần mềm một cửa điện tử đối với các hồ sơ liên thông sắp trễ hạn” (đội UBND thị xã Ninh Hòa, giải khuyến khích);...

Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị triển khai sáng kiến, giải pháp CCHC mới, đem lại hiệu quả thiết thực như:

- UBND thành phố Nha Trang triển khai thí điểm các điểm hỗ trợ, hướng dẫn cá nhân thực hiện TTHC trực tuyến trên địa bàn thành phố và 06 đơn vị cấp xã. Đồng thời, thực hiện phát tờ rơi tuyên truyền, quảng bá về thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi cá nhân, tổ chức đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa thành phố, Bộ phận Một cửa của 03 đơn vị cấp xã.

- UBND xã Diên Lạc (huyện Diên Khánh) tạo mã QR code cho phép cá nhân, tổ chức quét mã liên kết đến Trung tâm DVHCCTTT, Cổng thông tin điện tử xã, tiện ích thanh toán trực tuyến, bộ hồ sơ mẫu để tra cứu thông tin, thực hiện hồ sơ TTHC.

- UBND phường Ninh Thủy (thị xã Ninh Hòa) triển khai mô hình “Ngày thứ 3 không viết, Ngày thứ 6 không hẹn” trong giải quyết hồ sơ TTHC, theo đó, vào ngày thứ 3 hằng tuần tại Bộ phận Một cửa, lực lượng đoàn viên thanh niên sẽ hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến, ghi thay các thông tin trong biểu mẫu, hồ sơ; ngày thứ 6 hằng tuần, cán bộ, công chức sẽ tiếp nhận, tham mưu giải quyết và trả kết quả ngay trong ngày, không hẹn vào ngày làm việc tiếp theo đối với các TTHC có thời hạn giải quyết 01 ngày.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL được thực hiện đầy đủ và đúng quy định. UBND tỉnh ban hành và tổ chức triển khai các kế hoạch năm 2022: Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL<sup>10</sup>; kiểm tra, xử lý VBQPPL<sup>11</sup>; phổ biến, giáo dục pháp

<sup>9</sup> Công văn số 13015/UBND-KSTT ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh

<sup>10</sup> Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh

<sup>11</sup> Quyết định số 7433/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh



luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh<sup>12</sup>; thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật, người khuyết tật có khó khăn về tài chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh<sup>13</sup>. Ban hành quyết định công bố danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh hết hiệu lực năm 2021<sup>14</sup>, với 39 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 01 văn bản hết hiệu lực một phần.

Trong kỳ, tỉnh Khánh Hòa ban hành 10 quyết định quy phạm pháp luật (05 nghị quyết của HĐND tỉnh, 05 quyết định của UBND tỉnh), thể chế kịp thời các chính sách của trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, nhằm tăng cường kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với các ngành, lĩnh vực góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó có nhiều chính sách quan trọng, tác động đến đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh: Quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh; quy định mức hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; quy định quản lý hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh; quy định một số nội dung về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh;...

Về theo dõi thi hành pháp luật, UBND tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh<sup>15</sup>, gồm: Chính sách, pháp luật về hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; tự chủ đại học (tự chủ tài chính và tự chủ bộ máy, nhân sự); lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. Đã tổ chức kiểm tra tại 04 cơ quan, đơn vị (Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Nha Trang).

#### b) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Xác định cải cách thể chế là khâu then chốt, tiền đề, tháo gỡ các nút thắt để phát triển, trong kỳ, UBND tỉnh ban hành và tập trung chỉ đạo đồng bộ chương trình, quy chế, kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nổi bật như: Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI năm 2022; quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành phục vụ khách du lịch quốc tế qua cửa khẩu Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh; kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khánh Hòa; kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030;...

Ngày 15/6/2022, UBND tỉnh tổ chức hội nghị đối thoại với gần 200 doanh nghiệp, nhà đầu tư để lắng nghe, trao đổi thông tin, giải đáp, hỗ trợ giải quyết các đề xuất, kiến nghị, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Ngành Hải quan tổ chức hội nghị đối thoại Hải quan - Doanh nghiệp tại Chi Cục Hải quan cửa khẩu Cảng Nha Trang theo hình

<sup>12</sup> Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh

<sup>13</sup> Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh

<sup>14</sup> Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh

<sup>15</sup> Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh



thức chuyên đề về chính sách và thủ tục hải quan, báo cáo quyết toán đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu. Ngành Thuế đã tổ chức hội nghị tập huấn chính sách thuế cho các Đại lý thuế. Sở Công Thương tổ chức cuộc họp đối thoại với các Doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Diên Phú và Đắc Lộc.

Tỉnh Khánh Hòa đã xây dựng và đưa vào vận hành chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa”, tại địa chỉ <https://doanhnghiep.khanhhoa.gov.vn/vi/ho-tro-phap-ly-doanh-nghiep>; bố trí công chức làm đầu mối cung cấp thông tin để thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

## 2. Cải cách TTHC

### a) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022<sup>16</sup>, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường kiểm soát chất lượng quy định TTHC; công bố, công khai TTHC; đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; kiểm soát TTHC; rà soát, đánh giá TTHC; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC; tuyên truyền TTHC;... Ban hành danh mục 130 TTHC thực hiện rà soát, đơn giản hóa trọng tâm năm 2022; kết quả đã tổng hợp, đề xuất 05 phương án đơn giản hóa đối với 08 TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư. Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC ước tính 5,60%.

### b) Cập nhật số lượng TTHC

UBND tỉnh công bố đầy đủ, kịp thời danh mục TTHC do các bộ, ngành trung ương công bố, đồng thời phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn ISO. Trên cơ sở đó, tiến hành chuẩn hóa, cập nhật đồng bộ cơ sở dữ liệu về quy trình TTHC để công khai, tiếp nhận và giải quyết. Tất cả TTHC, quy trình giải quyết TTHC được tích hợp, công khai đúng quy định.

Trong kỳ, UBND tỉnh ban hành 14 quyết định công bố cập nhật danh mục TTHC, trong đó ban hành mới 21 thủ tục, sửa đổi, bổ sung 50 thủ tục, bãi bỏ 14 thủ tục. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 1.886 thủ tục, bao gồm cả TTHC của các cơ quan ngành dọc được tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp (trong đó: cấp tỉnh: 1.430; cấp huyện: 302; cấp xã: 154). Ban hành 11 quyết định phê duyệt 165 quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh ban hành/phê duyệt 516 quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông giữa các cơ quan ngang cấp, giữa các cấp hành chính, giữa các cơ quan hành chính tỉnh với các cơ quan ngành dọc, làm cơ sở để phối hợp giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, trong đó có cả các dịch vụ công về cấp điện tử lưới điện trung áp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>16</sup> Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh



c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Hiện trạng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại tỉnh đáp ứng yêu cầu Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

\* Về số lượng các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 100% cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh và cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện. Cụ thể:

- Cấp tỉnh: 21/21 cơ quan (bao gồm Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong);
- Cấp huyện: 08/09 UBND huyện (huyện Trường Sa chưa có nhu cầu);
- Cấp xã: 136/139 UBND xã (03 xã thuộc huyện Trường Sa chưa có nhu cầu);
- Cơ quan ngành dọc: 06/06 cơ quan ngành dọc, gồm: Cục Thuế tỉnh và các Chi cục trực thuộc; Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đơn vị trực thuộc; Công an tỉnh và Công an huyện; Cục Hải quan tỉnh và các Chi cục trực thuộc; Kho bạc Nhà nước tỉnh và Kho bạc Nhà nước cấp huyện; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh.

\* Về tổ chức Bộ phận Một cửa: Bộ phận Một cửa tại các cơ quan, đơn vị được cải tạo, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới để đảm bảo yêu cầu về diện tích phòng làm việc và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc theo quy định.

\* Về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Được UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo thực hiện kể từ năm 2016 tại Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 29/8/2016 về đẩy mạnh công tác CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2020; qua các năm triển khai thực hiện đã đi vào nề nếp và đạt hiệu quả rất cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC. 100% hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị được số hóa, gắn tệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

\* **Về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:** Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận 172.619 hồ sơ, đã giải quyết và trả kết quả 153.394 hồ sơ, trong đó đúng hạn 151.842 hồ sơ (98,99%), trễ hạn 1.552 hồ sơ (1,01%). Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn của khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là 98,67%, UBND cấp huyện là 97,85%, UBND cấp xã là 99,58%.

\* **Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC:** Việc tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, thắc mắc của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC trên Hệ thống Phản ánh kiến nghị Công Dịch vụ công quốc gia (Cổng DVCQG) được thực hiện đúng quy định. Trong kỳ, tiếp nhận 42 phản ánh, kiến nghị, giải quyết và công khai 35/35 phản ánh, kiến nghị, 07 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn giải quyết.



*\* Về kết quả thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:* Các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức làm tại Bộ phận Một cửa các cấp đều hoàn thành 100% nhiệm vụ.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

UBND tỉnh triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo tinh gọn bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; cơ cấu tổ chức bên trong của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Bố trí đúng người, đúng việc theo vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp và ban hành 20 quyết định sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đảm bảo theo quy định (hiện có 123 tổ chức thuộc sở, gồm: 108 phòng, 15 chi cục và tương đương). Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ chuyên ngành,

UBND tỉnh đã ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan (13 cơ quan), gồm các Sở Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Giao thông vận tải, Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp huyện về công tác dân tộc, Y tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Công tác phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước tại tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ và các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Trong kỳ, UBND tỉnh đã ban hành 01 quyết định ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các TTHC trong lĩnh vực môi trường.

Đối với việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập: Việc đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được thực hiện trên cơ sở gắn liền với công tác rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn (như Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Khánh Hòa, Trường Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa, Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh; thẩm định Đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, biên chế của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Thành lập Bệnh viện Yersin Nha Trang ...).

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị



trí việc làm. Tính đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của 21 cơ quan, tổ chức hành chính và 01 bản mô tả của khối huyện thuộc tỉnh, 01 bản mô tả của khối thành phố, thị xã thuộc tỉnh (đạt tỉ lệ 100%). 100% cơ quan hành chính bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; 100% đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt danh mục vị trí việc làm và bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

Việc quản lý, sử dụng biên chế được thực hiện đúng quy định. Trên cơ sở số chỉ tiêu biên chế công chức, chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao, UBND tỉnh rà soát, đánh giá tình hình thực tiễn quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tiến hành sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập các tổ chức thuộc, trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, bản mô tả công việc, khung năng lực theo vị trí việc làm của các đơn vị để xây dựng phương án tinh giản, phân bổ biên chế cho các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh. UBND tỉnh đã giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh năm 2022; phân bổ chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh; giao tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và tổ chức Hội tỉnh năm 2022; giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp năm 2022.

Việc bố trí, phân công công tác và chuyển ngạch công chức được thực hiện đúng quy định; nâng ngạch công chức đảm bảo theo nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện nâng ngạch công chức; điều động, luân chuyển, biệt phái công chức trên địa bàn tỉnh thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; quan tâm chế độ, chính sách đối với công chức được luân chuyển, biệt phái; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức quản lý được thực hiện đúng theo đúng thẩm quyền, đảm bảo trình tự, thủ tục trên cơ sở quy hoạch cán bộ của từng cơ quan, đơn vị. Trong kỳ, tuyển dụng 21 viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022, kế hoạch triển khai chương trình phát triển nhân lực tỉnh năm 2022 và đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Căn cứ các quyết định trên, các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn. Các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng hiện đang được triển khai theo tiến độ. Trong kỳ, đã khai giảng lớp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý công (58 học viên); cử 48 công chức, viên chức đi học sau đại học trong nước, 01 công chức đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài.

Ngày 09/8/2022, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu chuyên môn và tổ chức các cuộc họp xử lý công việc thường xuyên của lãnh đạo UBND tỉnh. Chỉ thị yêu cầu các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm và thực hiện hiệu quả các nội dung về công tác tham mưu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hội họp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả, thời gian và chất lượng giải quyết công việc tại các cơ quan nhà nước.

## **5. Cải cách tài chính công**



a) Tình hình, kết quả thực hiện về quản lý, sử dụng tài sản công

UBND tỉnh ban hành chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt nam trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, với mục tiêu tạo sự chuyển biến tích cực về thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế với mức tăng trưởng cao, đưa việc sử dụng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong xã hội thành thói quen của người dân ở khu vực đô thị và từng bước phát triển ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; giảm chi phí xã hội liên quan đến tiền mặt; góp phần xây dựng chính quyền điện tử, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm kinh tế.

Ngành thuế tiếp tục đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thanh toán đối với các dịch vụ công và chi trả an sinh xã hội qua ngân hàng, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước tỉnh được đổi mới, hiện đại hóa thông qua việc kết nối, trao đổi dữ liệu thu ngân sách nhà nước điện tử giữa Kho bạc Nhà nước tỉnh với cơ quan thuế, hải quan và các ngân hàng thương mại; mở rộng tài khoản chuyên thu; áp dụng các hình thức thanh toán điện tử trong thu nộp ngân sách nhà nước. Hiện các cơ quan, đơn vị thực hiện dịch vụ công trực tuyến khi giao dịch với hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh.

b) Thực hiện các quy định về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

- Về kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến hết tháng 08/2022, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 đạt 41,11% (theo kế hoạch được giao của tỉnh là 3.519.767 triệu đồng, đã thực hiện là 1.446.992 triệu đồng).

- Về tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (tính đến hết ngày 15/8/2022):

+ Các cuộc kiểm toán thực hiện từ năm 2020 trở về trước: Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải thực hiện là 84.457,6 triệu đồng; đã thực hiện 11.388,3 triệu đồng, đạt tỉ lệ 13,50%; chưa thực hiện 73.068,2 triệu đồng, chiếm tỉ lệ 86,50%.

+ Các cuộc kiểm toán thực hiện năm 2021: Tổng số kiến nghị kiểm toán trong năm 2021 là 327.059,4 triệu đồng; đã thực hiện 12.868 triệu đồng, đạt tỉ lệ 3,90%; chưa thực hiện: 314.191,4 triệu đồng, chiếm tỉ lệ 96,10%.

c) Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Hiện toàn tỉnh có 40 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên, trong đó có 11 đơn vị tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư, 29 đơn vị tự chủ 100% chi thường xuyên; 85 đơn vị thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên: 06 đơn vị; tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên: 34 đơn vị; tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên: 45 đơn vị); 498 đơn vị do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên; không có đơn vị chuyển đổi thành công ty cổ phần.

d) Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Căn cứ chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai



đoạn 2021-2025, năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025, năm 2022, UBND tỉnh ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025<sup>17</sup>, năm 2022<sup>18</sup>. UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kết quả chấm điểm đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2021; báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực giai đoạn 2016-2021 của tỉnh gửi Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh đã được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt. 08/08 UBND cấp huyện tiếp tục đạt mức 1 (mức cao nhất) về điều kiện sẵn sàng xây dựng chính quyền điện tử. Ở cấp xã, trong số 128 UBND cấp xã được xếp hạng, có 65 đơn vị cấp xã đạt mức 1, 52 đơn vị đạt mức 2, 07 đơn vị đạt mức 3, 02 đơn vị đạt mức 4.

Toàn tỉnh có 156 công/trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh (20/21 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 08/09 UBND cấp huyện, 128/136 UBND cấp xã) cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin và giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức. Đến nay, có 4.926 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp phát cho cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức; tạo ra cơ chế trao đổi thông tin, dữ liệu, phối hợp nghiệp vụ, giảm hội họp giấy tờ, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (E-Office) được triển khai đồng bộ và liên thông đến 100% các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã (53 cơ quan cấp tỉnh - bao gồm 44 cơ quan chuyên môn, cơ quan ngành dọc, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và 19 cơ quan Đảng, mặt trận và đoàn thể; 08 UBND cấp huyện và 136 UBND cấp xã). Hệ thống cho phép xử lý và gửi/nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng, liên thông văn bản điện tử giữa 03 cấp hành chính tỉnh - huyện - xã và liên thông văn bản theo chiều ngang giữa các cơ quan hành chính cùng cấp. Hệ thống đã kết nối vào trực liên thông văn bản quốc gia. Trong quý III/2022, tỷ lệ văn bản được gửi đi hoàn toàn dưới dạng điện tử của tỉnh đạt 76%.

Phần mềm Nhắc việc giúp UBND tỉnh kiểm soát, quản lý toàn bộ các công việc được giao giải quyết, có thời hạn cụ thể; theo dõi, đôn đốc và nhắc việc trên phạm vi toàn tỉnh, hạn chế đến mức thấp nhất các công việc tồn đọng, trễ hạn. Trong kỳ, đã thực hiện nhắc việc với tổng số nhiệm vụ giao là 4.413, kết quả tổng hợp có 595 nhiệm vụ hoàn thành (đúng hạn: 566; quá hạn: 29), 3.818 nhiệm vụ chưa hoàn thành (trong hạn: 3.610; quá hạn: 208).

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng hoàn thiện tại địa chỉ

<sup>17</sup> Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh

<sup>18</sup> Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh



<https://baocao.khanhhoa.gov.vn>, cập nhật 20 biểu mẫu báo cáo thống nhất theo quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh; đã hoàn thành chức năng kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Với 4.600 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp phát cho cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức; tạo ra cơ chế trao đổi thông tin, dữ liệu, phối hợp nghiệp vụ, giám hội họp giấy tờ, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành.

UBND tỉnh đang triển khai vận hành thử nghiệm “Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa” trên các lĩnh vực như sự cố hạ tầng kỹ thuật, môi trường, trật tự đô thị, y tế, du lịch, tiêu dùng,... Kết quả bước đầu cho thấy hệ thống khá hiệu quả, người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, sử dụng hệ thống để gửi phản ánh, kiến nghị; các cơ quan quản lý nhà nước rất thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý quá trình tiếp nhận, phối hợp xử lý, trả lời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

Trong kỳ, UBND tỉnh đã ban hành quyết định giao quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống GIS Khánh Hòa<sup>19</sup>, quyết định thành lập Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử GIS Khánh Hòa<sup>20</sup>, kế hoạch triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa<sup>21</sup>. Triển khai hợp tác về chuyển đổi số tại Diễn đàn Kinh doanh Xanh Pê-téc-bua - Khánh Hòa; làm việc với các đối tác trong khuôn khổ chương trình Đoàn công tác của tỉnh sang thăm và làm việc tại Ấn Độ tháng 9/2022 và Hàn Quốc tháng 10/2022.

UBND tỉnh ban hành quyết định công bố sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4, thanh toán trực tuyến, bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh<sup>22</sup>. Hiện tại, toàn bộ TTHC đủ điều kiện được UBND tỉnh công bố thực hiện trực tuyến, trong đó: Cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích 986 thủ tục; cho phép nộp hồ sơ trực tuyến 640 thủ tục (mức độ 3: 330; mức độ 4: 310); cho phép thanh toán trực tuyến phí, lệ phí 357 thủ tục. Đã tích hợp 443 TTHC trực tuyến mức độ 3 và 4, 357 TTHC cho phép thanh toán trực tuyến lên Cổng DVCQG.

**\* Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:**

- Về hồ sơ trực tuyến qua mạng internet mức độ 3, 4: Tiếp nhận 62.186 hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số 106.157 hồ sơ của TTHC công bố thực hiện trực tuyến có phát sinh hồ sơ, đạt tỉ lệ 58,60%.

- Về thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính: Phát sinh 27.267 lượt, với số tiền 73.320.089.421 đồng (trong đó: thanh toán nghĩa vụ tài chính trên Cổng DVCQG là 13.206 lượt, với số tiền 72.453.699.421 đồng; thanh toán trực tuyến phí, lệ phí qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh là 14.061 lượt, với số tiền 866.390.000 đồng).

- Về thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích: Kể từ ngày 01/7/2019, Trung

<sup>19</sup> Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh

<sup>20</sup> Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh

<sup>21</sup> Kế hoạch số 6863/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh

<sup>22</sup> Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh



tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh đã thực hiện kết nối thành công với Hệ thống VNPost của bưu điện. Khi cán bộ một cửa thực hiện thao tác tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả trên Phần mềm một cửa điện tử, Hệ thống sẽ tự động chuyển thông tin đến Bưu điện để nhân viên bưu điện liên hệ nhận hồ sơ giấy hoặc trả kết quả tại địa chỉ khách hàng đăng ký trong vòng 04 giờ. Trong kỳ, đã phát sinh 2.390 lượt đăng ký thực hiện dịch vụ bưu chính công ích trực tuyến qua Trung tâm (trong đó: tiếp nhận hồ sơ: 581 lượt; trả kết quả: 573 lượt; tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: 1.236 lượt).

- Về tin nhắn tự động SMS (với 31 tỉnh hướng tin nhắn): Đã gửi 313.836 tin nhắn đến điện thoại di động của khách hàng, cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin mà cơ quan hành chính muốn gửi đến tổ chức, cá nhân trong suốt quá trình giải quyết TTHC, giảm phiền hà, giảm thời gian và chi phí đi lại cho khách hàng, góp phần nâng cao sự hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan nước.

Trong quý III/2022, tỉnh Khánh Hòa tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (gọi tắt là HTQLCL) theo TCVN ISO 9001:2015 cho 168 cơ quan hành chính nhà nước (gọi tắt là CQHCNN) trong 97 HTQLCL cấp huyện và cấp xã tại 06 địa bàn cấp huyện (Cam Ranh, Ninh Hòa, Vạn Ninh, Cam Lâm, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh); đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Tính đến ngày 30/6/2021, toàn bộ 100% CQHCNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và 01 đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, bao gồm 281 CQHCNN trong 166 HTQLCL được chuyển đổi, áp dụng thành công theo TCVN ISO 9001:2015. Các HTQLCL đảm bảo công bố áp dụng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 cho tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền, được kiểm tra đánh giá và thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ để đảm bảo công tác áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL đúng quy định và tăng cường hiệu quả áp dụng HTQLCL phục vụ công tác CCHC.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Bộ tài liệu khung và Sổ tay hướng dẫn vận hành HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 cho các CQHCNN 03 cấp theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 11/5/2021; đồng thời, tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các CQHCNN nghiên cứu và áp dụng Bộ tài liệu và Sổ tay này vào hoạt động duy trì và áp dụng HTQLCL theo đúng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015 và Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, từ đó phát huy hiệu lực, hiệu quả của HTQLCL trong việc tích hợp vận hành Trung tâm DVHCCTT để giải quyết TTHC trong các CQHCNN.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

Trong quý III/2022, công tác CCHC của tỉnh Khánh Hòa đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra và tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai CCHC có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp, các lĩnh vực, đặc biệt là sự phối hợp, tham gia đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan tham mưu CCHC. Ý thức trách nhiệm trong tổ chức thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục có chuyển biến tích cực; kỷ luật, kỷ cương CCHC tiếp tục được tăng cường. Tình hình, kết quả



thực hiện CCHC được theo dõi, đánh giá thường xuyên, chú trọng kết quả, hiệu quả thực chất, từ đó đã triển khai thực hiện kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong công tác CCHC của UBND tỉnh Khánh Hòa đảm bảo tiến độ và kết quả.

Toàn bộ 07 giải pháp quản lý nhà nước về CCHC được triển khai đồng bộ, nề nếp, hiệu quả từ xây dựng chương trình, kế hoạch, phân công và phối hợp, kiện toàn đội ngũ tham mưu, đẩy mạnh tuyên truyền và tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra, khảo sát sự hài lòng, đánh giá xếp hạng kết quả CCHC. Thể chế quản lý nhà nước về CCHC tiếp tục được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu đề ra. Cơ sở dữ liệu TTHC tiếp tục được đơn giản hóa, chuẩn hóa, cắt giảm thời gian giải quyết. Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn của khối UBND cấp huyện giảm mạnh, giảm 3,87% so với cùng kỳ năm 2021. Hồ sơ trực tuyến qua mạng internet và thanh toán trực tuyến tiếp tục tăng nhanh (so với cùng kỳ năm 2021, hồ sơ trực tuyến tăng 37.612 hồ sơ và 6,87%; thanh toán trực tuyến tăng gấp hơn 5,2 lần về số lượt giao dịch và 22 lần về số tiền). Việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tinh gọn đầu mối, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động. Thu ngân sách nhà nước đạt 94,00% dự toán (vượt 27,4% so với tiến độ thu theo dự toán, số tuyệt đối tăng 3.287 tỷ đồng). Ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ Nhân dân ngày càng lan tỏa sâu rộng. Công tác quản lý nhà nước về tài chính công tiếp tục được thực hiện đúng quy định. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ các cơ quan, đơn vị.

## 2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác CCHC của tỉnh trong quý III/2022 vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo rà soát khắc phục, cải thiện, nâng cao chất lượng trong thời gian tới như: Việc tham mưu cụ thể hóa một số chính sách theo phân cấp còn chậm; thiếu cơ quan đầu mối thống nhất, tập trung trong việc theo dõi, đánh giá các chính sách để từ đó tham mưu, đề xuất giải pháp một cách đồng bộ, kịp thời, hiệu quả; công tác chỉ đạo, điều hành CCHC ở một số cơ quan còn chưa sâu sát, quyết liệt; cải cách TTHC mới chỉ dừng lại ở việc chấp hành, triển khai quy định của trung ương, chưa năng động, linh hoạt trong công tác triển khai, thiếu tính mới, đột phá; vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng về năng lực chuyên môn, yêu cầu trong tình hình mới;...

## IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 03 THÁNG CUỐI NĂM

Căn cứ kế hoạch CCHC tỉnh năm 2022 và các chỉ đạo liên quan, trong 03 tháng cuối năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở cho việc ban hành các biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả thực hiện CCHC.

2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của



Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đẩy mạnh xã hội hóa. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đẩy mạnh dịch vụ hành chính công trực tuyến. Phần đầu tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm hạn, đúng hạn; tăng số lượng và tỉ lệ hồ trực tuyến, thanh toán trực tuyến. Đẩy mạnh rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực tham mưu quản lý. Tăng cường phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC.

4. Tiếp tục hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Tiếp tục hoàn thiện vị trí việc làm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình đã đề ra.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định. Cập nhật cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, sẵn sàng kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Đổi mới cơ chế quản lý đối với đơn vị sự nghiệp, nâng cao tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sáng tạo; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Triển khai, hoàn thành kế hoạch kiểm tra, tập huấn nghiệp vụ CCHC năm 2022; triển khai đánh giá, xếp hạng CCHC năm 2022; ban hành kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023.

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác CCHC ở địa phương trong thời gian tới, UBND tỉnh Khánh Hòa có một số kiến nghị sau:

### **1. Kiến nghị Chính phủ**

#### **a) Liên quan đến Sổ hộ khẩu và Sổ tạm trú**

Thực hiện theo Luật cư trú năm 2020, kể từ ngày 01/7/2021, khi người dân thực hiện các thủ tục đăng ký cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và không cấp mới, cấp lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú. Chấp hành quy định trên, trong thực tế đã phát sinh một số khó khăn, bất cập sau:

- *Thứ nhất*, trong thực tế vẫn còn nhiều thủ tục, công việc, giao dịch (các công việc liên quan đến điện, nước, nhập học cho con, bảo hiểm, công chứng, đăng ký kết hôn,...) cần có Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú vì cơ sở dữ liệu cư trú quốc gia vẫn



chưa được kết nối dùng chung đầy đủ, trong khi Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân, giấy khai sinh chưa thể thay thế.

- Thứ hai, vì muốn giữ lại Sổ hộ khẩu để giải quyết các nhu cầu khác của cá nhân (giải quyết các TTHC về đất đai, phân chia tài sản,...) nên nhiều trường hợp người dân không thực hiện TTHC liên thông đối với các trường hợp “Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế - Đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 06 tuổi” hoặc “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú cho người đã mất” mà thay vào đó chỉ nộp hồ sơ thực hiện các thủ tục liên thông “Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi” hoặc “Đăng ký khai tử cho người đã mất”.

b) Liên quan đến điều kiện đăng ký thường trú

Một số trường hợp người dân gặp khó khăn khi đăng ký thường trú (đặc biệt là đăng ký thường trú cho trẻ em mới sinh) đối với các yêu cầu như: Phải có văn bản của UBND cấp xã xác nhận nhà ở ổn định, không tranh chấp, không nằm trong khu vực quy hoạch, giải tỏa; phải đảm bảo diện tích nhà ở tối thiểu (08m<sup>2</sup> sàn/người) theo khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú năm 2020; phải có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chỗ ở hợp pháp (người dân chưa thực hiện được các thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất)...

Từ các khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên, UBND tỉnh Khánh Hòa kiến nghị Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thống nhất, sớm hướng dẫn các địa phương giải quyết bất cập nêu trên, tháo gỡ khó khăn cho người dân khi thực hiện các thủ tục, công việc, giao dịch có liên quan.

2. Kiến nghị các Bộ, ngành trung ương sớm ban hành thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức, viên chức.

3. Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành văn bản triển khai Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020-2025 để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC quý III/2022 của tỉnh Khánh Hòa.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ (Kiến nghị - VBĐT);
- Các Bộ, ngành trung ương (Kiến nghị - VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu (VBĐT);
- TT. HĐND tỉnh và các Ban (VBĐT);
- Các sở và BQLKKT Vân Phong (VBĐT);
- Các cơ quan ngành dọc của Trung ương (VBĐT);
- UBND cấp huyện, UBND cấp xã (VBĐT);
- Công TTĐT tỉnh, Công TT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Đài PT-TH, Báo KH (VBĐT);
- Lưu: VT, DL 24 b.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Tuấn**



**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**QUÝ III NĂM 2022 TẠI TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 254/BC-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**Biểu mẫu số 01**  
**Công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính**

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	03	
2.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	60	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	24	
3.	Kiểm tra CCHC	Cơ quan, đơn vị	25/33	Hiện Đoàn Kiểm tra CCHC tỉnh đang tổng hợp
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	18	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	%	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	02	Thanh tra việc thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; về thay đổi vị trí việc làm, chuyển công tác của viên chức các cơ sở



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Vạn Ninh và UBND huyện Diên Khánh
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	50	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	35	29 nhiệm vụ chưa hoàn thành trong hạn
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	05	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	01	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	24.600	Dự kiến
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị đối thoại với hơn 100 doanh nghiệp, nhà đầu tư vào ngày 15/6/2022

**Biểu mẫu số 02**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê	Ghi chú
-----	-------------------	------------------	---------



	(Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản	10	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	10	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>	Văn bản	0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	12	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	75,00%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	08	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	06	

## Biểu mẫu số 03

## Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thông kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC đã công bố mới	Thủ tục	21	
1.3.	Số TTHC đã bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	14	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	Thủ tục	1.886	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.430	Bao gồm 13 TTHC ngành dọc
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	302	Bao gồm 07 TTHC ngành dọc
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	154	Bao gồm 14 TTHC ngành



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				đọc
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		362	
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	73	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	294	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được tiếp nhận đúng hạn	%	98,67%	
3.1.1.	Tổng số TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	82.117	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	81.021	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,85%	
3.2.1.	Tổng số TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	9.151	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	8.954	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,58%	
3.3.1.	Tổng số TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	62.126	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	61.867	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết PAKN về quy định TTHC	%		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	42	07 PAKN đang xử lý trong hạn
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	35	

**Biểu mẫu số 04**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban	05	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	116	
1.5.	Tổng số ĐVSNCL tại địa phương	Đơn vị	619	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Đơn vị	09	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Đơn vị	107	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị	503	
1.5.4.	Số ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	9,22	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.901	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.738	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	86	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	240	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,20	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21.123	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.898	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	4.678	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	18,13	

**Biểu mẫu số 05**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	121	100%
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	619	100%
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	11	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	10	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	210	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

**Biểu mẫu số 06**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	41,11	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	3.519.767	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1.446.992	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSN tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN tại địa phương	Đơn vị	623	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	11	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	29	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	85	
2.4.1.	ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	6	
2.4.2.	ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	34	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4.3.	ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	45	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	498	
2.6.	Số ĐVSN chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

## Biểu mẫu số 07

## Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND cấp tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	76	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	76	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	76	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong báo cáo hàng quý, 06 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	76	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	330	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	330	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	159	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	310	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	310	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	200	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	71,72%.	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	640	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	459	
6.4.	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	58,58%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	106.157	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	62.186	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	357	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	357	